



***BÀI TẬP:
SẮP XẾP CÂU(THÊM DẤU CÂU):**

(1) 叫 名字 什么 你
Jiào míngzì shénme nǐ

(2) 事儿 有 什么
shìr yǒu shénme

(3) 什么 干 你
shénme gàn nǐ

(4) 什么 要 你
shénme yào nǐ

